TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/KDTM-PT
Ngày 20 tháng 8 năm 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê cần cẩu bánh xích".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* ông Đoàn Ngọc Thiện
ông Cao Xuân Long

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Yến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2019/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2019 về: "Tranh chấp hợp đồng thuê cần cẩu bánh xích", do bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐ-PT ngày 24/6/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐ-PT ngày 24/7/2019, quyết định thay người tiến hành tố tụng số 06/2019/QĐ-PT ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S

Địa chỉ: Tòa nhà M, phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Steven C, Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T (sinh năm 1990) + ông Vũ Đức D (sinh năm 1990)

Cùng trú tại: Tòa nhà M, phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/5/2018) (đều có mặt)

***2. Bị đơn*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH

Địa chỉ: phường M, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H, Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ông Trương Ngô Hồng T (sinh năm 1986) + ông Đặng Thanh H (sinh năm 1995)

Trú tại: Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (theo văn bản ủy

quyền lập ngày 29/5/2019) (đều có mặt)

Người kháng cáo: bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn công ty TNHH S trình bày:

Ngày 16/5/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là công ty S) và công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH (gọi tắt là công ty ĐH) ký kết hợp đồng kinh tế SC 11-2016/S-DH về việc cung cấp dịch vụ thuê cần cẩu bánh xích phục vụ công việc cho ĐH; địa điểm làm việc tại Khu công nghiệp ĐX, phường RD, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Thời hạn hợp đồng 06 tháng từ ngày 01/7/2016 đến ngày 31/12/2016, sau đó gia hạn bằng 04 phụ lục hợp đồng (số 01 ngày 31/12/2016, số 02 ngày 27/02/2017, số 03 ngày 05/5/2017, số 04 ngày 19/5/2017), lần cuối từ ngày 19/5/2017 đến ngày 03/6/2017. Theo thỏa thuận, hàng tháng công ty ĐH thanh toán cho công ty S theo khối lượng công việc đã thực hiện.

Công ty S đã thực hiện công việc đúng như hợp đồng do công ty ĐH yêu cầu. Tuy nhiên, công ty ĐH không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho công ty S. Vì vậy, công ty S khởi kiện yêu cầu công ty ĐH thanh toán 12.635.605.674 đồng nợ gốc và 2.023.504.607 đồng lãi chậm thanh toán tính đến ngày 23/5/2018 với mức lãi suất 13,5%/năm.

Tại phiên tòa, công ty S đề nghị phương án hòa giải: công ty ĐH trả trước 30% số nợ; trả số còn lại vào cuối năm 2019; không tính lãi chậm thanh toán. Nếu công ty ĐH không hòa giải thì công ty S giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc theo khởi kiện; yêu cầu tính lãi chậm thanh toán mức lãi suất 12,9% năm đối với từng hóa đơn chậm trả, tính đến ngày 14/3/2019 là 3.250.418.485 đồng, theo Bảng kê chi tiết gửi Tòa án (BL 195).

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH trình bày:

Thừa nhận ký hợp đồng kinh tế SC 11-2016/S-DH và 04 phụ lục hợp đồng như công ty S trình bày. Địa điểm thực hiện hợp đồng: làm cho công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải G (gọi tắt là công ty G) tại nhà máy đóng tàu S trong khu công nghiệp ĐX, phường RD, thành phố V. Quá trình thực hiện hợp đồng công ty S và công ty ĐH không có tranh chấp.

Công ty ĐH xác nhận chưa thanh toán tiền nợ cho công ty S. Công ty G đã chấm dứt hoạt động và bị yêu cầu tuyên bố phá sản nên không cung cấp số liệu công việc công ty S đã thực hiện, dẫn đến công ty ĐH và công ty S chưa chốt được số tiền nợ.

Công ty ĐH không đồng ý hòa giải theo phương án của công ty S; không công nhận bản xác nhận công việc, bảng đối chiếu công nợ; không công nhận chữ

ký xác nhận là người của công ty ĐH. Công ty S đòi tiền nên công ty ĐH không có nghĩa vụ chứng minh.

Công ty ĐH chỉ thừa nhận số tiền 711.746.539 đồng của hóa đơn GTGT số 000422 ngày 22/8/2016, không thừa nhận số tiền còn lại; không đồng ý tính lãi chậm thanh toán do có tranh chấp và mức lãi suất 12,9%/năm không dựa trên căn cứ pháp luật; đề nghị Tòa án triệu tập công ty G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định khối lượng công việc đã thực hiện thì mới có thể chốt công nợ, và đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019, Tòa án nhân dân thị xã M quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH S đối với công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê cần cẩu bánh xích"; buộc công ty ĐH phải trả cho công ty S 12.635.605.674 nợ gốc và 3.250.418.485 đồng lãi chậm thanh toán tính đến ngày 14/3/2019 (áp dụng mức lãi suất 12,9%/năm).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận, tự nguyện thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án theo luật định.

Ngày 28/3/2019, công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giá trị khối lượng thực hiện công việc thực tế của nguyên đơn, nhưng đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu gồm tiền thuê cần cẩu bánh xích và lãi chậm thanh toán, không xem xét đưa công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án; đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, và không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng hai bên ký kết, công ty S cho công ty ĐH thuê một cần cẩu bánh xích loại 350T trong thời hạn 6 tháng từ ngày 01/7/2016 đến ngày 31/12/2016, sau đó gia hạn đến ngày 03/6/2017, làm việc tại Khu công nghiệp ĐX, phường RD, thành phố V. Phí thuê hàng tháng là 1.114.000.000 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên thuê nhận được hồ sơ yêu cầu thanh toán của bên cho thuê, gồm: 01 bản hóa đơn gốc, 01 bản nhật trình làm việc của thiết bị có chữ ký xác nhận của cả hai bên, 01 giấy đề nghị thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên không xảy ra tranh chấp. Theo xác nhận công nợ ngày 10/11/2017 có chữ ký xác nhận của bà Trần Hồng Lệ T, đóng dấu xác nhận của công ty ĐH thể hiện công ty ĐH còn nợ công ty S 12.635.605.674 đồng. Công văn số 7900/CT-KT2 ngày 28/8/2018 của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho biết công ty ĐH có kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và hạch toán vào chi phí xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với 20 hóa đơn giá trị gia tăng từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2018 do công ty S phát hành, phù hợp với hóa đơn công ty S cung cấp, trong đó có 14 hóa đơn tổng số tiền 12.635.605.674 đồng là thực hiện hợp đồng nêu trên. Khối lượng công việc hai bên thực hiện theo hợp đồng đã rõ theo bản xác nhận công nợ, việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng, kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng; nên công ty ĐH kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ giá trị khối lượng công việc đã thực hiện là không có cơ sở. Hợp đồng giao kết giữa hai công ty là độc lập không liên quan đến công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí hàng hải G, không có điều kiện thanh toán phải có xác nhận của bên thứ ba về khối lượng công việc hai bên thực hiện, nên công ty ĐH đề nghị đưa thêm công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí hàng hải G tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty S. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của công ty ĐH, y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH (có trụ sở tại thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, lãi do chậm thanh toán phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại thuê cần cẩu bánh xích làm việc tại Khu công nghiệp ĐX, phường RD, thành phố V. Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê cần cẩu bánh xích" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2]. *Về nguồn luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:*

Hai bên thực hiện việc thuê cần cẩu bánh xích theo Hợp đồng kinh tế SC 11-2016/S-DH ngày 16/5/2016 và 04 phụ lục hợp đồng (số 01 ngày 31/12/2016, số 02 ngày 27/02/2017, số 03 ngày 05/5/2017, số 04 ngày 19/5/2017). Thời gian thuê liên tục từ ngày 01/7/2016 đến ngày 03/6/2017. Như vậy, giao dịch dân sự xác lập trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2017), nay phát sinh tranh chấp phải áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005, Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn liên quan để giải quyết về nội dung.

[3]. *Về nội dung*:

Công ty S cho công ty ĐH thuê cần cẩu bánh xích hoạt động tại Khu công nghiệp ĐX, phường RD, thành phố V, theo hợp đồng kinh tế số SC 11-2016/S-DH ngày 16/5/2016, và 04 phụ lục hợp đồng (số 01 ngày 31/12/2016, số 02 ngày 27/02/2017, số 03 ngày 05/5/2017, số 04 ngày 19/5/2017), liên tục từ ngày 01/7/2016 đến ngày 03/6/2017, thỏa thuận thanh toán hàng tháng theo khối lượng công việc đã thực hiện. Công ty S đã thực hiện công việc đúng như hợp đồng, nhưng công ty ĐH không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Công ty S khởi kiện yêu cầu công ty ĐH thanh toán 12.635.605.674 đồng nợ gốc và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 14/3/2019 trên từng hóa đơn chậm thanh toán với mức lãi suất 12,9%/năm.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty S, buộc công ty ĐH thanh toán các khoản theo yêu cầu của công ty S. Công ty ĐH kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm chưa làm rõ giá trị khối lượng thực hiện công việc thực tế của nguyên đơn, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải G.

[4]. *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:*

[4.1]. Về việc cấp sơ thẩm không xem xét đưa công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải G (gọi tắt là công ty G) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp của bị đơn:

Hợp đồng kinh tế SC 11-2016/S-DH ngày 16/5/2016 và các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04 không có nội dung, điều khoản nào liên quan đến trách nhiệm của công ty G trong việc thanh toán tiền thuê cẩu cho công ty S. Công ty S và công ty ĐH đều thừa nhận không có hợp đồng hay thỏa thuận nào khác thể hiện sự liên quan trách nhiệm giữa nguyên đơn, bị đơn với công ty G. Công ty ĐH không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo này.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, công ty ĐH đã khiếu nại, yêu cầu đưa công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giải quyết, không chấp nhận khiếu nại của công ty ĐH.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận biểu mẫu chấm công có in logo "Tr" là do công ty ĐH cung cấp để hai bên ghi nhận, theo dõi, ký xác nhận quá trình cần cẩu vận hành, không liên quan gì đến công ty G. Do đó, hợp đồng

giữa công ty S với công ty ĐH và hợp đồng giữa công ty ĐH với công ty G là hai hợp đồng hoàn toàn độc lập, không liên quan đến nhau.

Vì vậy, kháng cáo của công ty ĐH về việc yêu cầu đưa công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Về việc cấp sơ thẩm chưa làm rõ giá trị khối lượng công việc nguyên đơn thực hiện, nhưng đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn gồm tiền thuê cần cẩu bánh xích và lãi chậm thanh toán:

[4.2.1]. Hợp đồng kinh tế SC 11-2016/S-DH và các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04 do công ty S và công ty ĐH tự nguyện giao kết, tuân thủ nội dung và hình thức của pháp luật, không vi phạm đạo đức và điều cấm của pháp luật, do người đại diện hợp pháp thực hiện, nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực và có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên tham gia giao kết.

Qua trình bày của nguyên đơn, thừa nhận của bị đơn, các tài liệu chứng từ: hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản nghiệm thu sản phẩm và hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định công ty S đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo yêu cầu của công ty ĐH trong hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh xích, đã hoàn thành nghĩa vụ của bên cho thuê cần cẩu và cung ứng nhân công vận hành cẩu được quy định tại Điều 78, Điều 270 Luật thương mại; nhưng công ty ĐH chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 85, 271 Luật thương mại và Điều 8 Hợp đồng đã giao kết.

[4.2.2]. Các căn cứ xác nhận khối lượng công việc công ty S thực hiện theo yêu cầu của công ty ĐH đã được thu thập, thể hiện rõ trong hồ sơ, là cơ sở phát sinh nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi chậm thanh toán của công ty ĐH:

+ Xác nhận của bà Trần Hồng Lệ T, kế toán công ty ĐH, dấu mộc của công ty ĐH trong Bản xác nhận số dư công nợ ngày 10/11/2017 ghi nhận công ty ĐH nợ công ty S tổng số 12.635.605.674 đồng (BL 125C).

+ Công văn số 116-2018.DH-CV-THS ngày 11/8/2018 của công ty ĐH gửi công ty S đề xuất phương án thanh toán khoản nợ, nhằm chấm dứt việc kiện tụng tại Tòa án (BL 125D, 125Đ).

+ Công văn số 7900/CT-KT2 ngày 28/8/2018 kèm bảng kê chi tiết hóa đơn của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho biết công ty ĐH có kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào và hạch toán vào chi phí xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với 20 hóa đơn GTGT từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2018 do công ty S phát hành (BL 140, 150). 14/20 hóa đơn công ty ĐH kê khai khấu trừ thuế tại Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hoàn toàn phù hợp với 14 hóa đơn công ty S cung cấp tại hồ sơ, đi kèm các chứng từ khác trong hồ sơ yêu cầu thanh toán, phù hợp với quy định, thỏa thuận tại Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, phù hợp số liệu công việc thực hiện và yêu cầu thanh toán, yêu cầu khởi kiện, phù hợp với việc xác định số dư công nợ ngày 10/11/2017 của công ty ĐH nêu trên.

+ Bộ hồ sơ yêu cầu thanh toán gồm 14 hóa đơn giá trị gia tăng. Mỗi hóa đơn giá trị gia tăng đi kèm 01 bản nhật trình làm việc của thiết bị có chữ ký xác nhận của cả hai bên, 01 giấy đề nghị thanh toán; phù hợp quy định về thanh toán theo Điều 8 Hợp đồng. Qua đối chiếu, các chứng từ đi kèm mỗi hóa đơn giá trị gia

tăng yêu cầu thanh toán hoàn toàn phù hợp với các chứng từ đi kèm hóa đơn giá trị gia tăng số 000422 (BL 81-86). Công ty ĐH chỉ chấp nhận duy nhất hóa đơn giá trị gia tăng số 000422, không chấp nhận 13 hóa đơn còn lại nhưng không nêu được lý do.

Như vậy, các bên không có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, liên tiếp ký 04 phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian hợp đồng. Công ty S đã xuất hóa đơn GTGT đúng theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng. Công ty ĐH đã nhận các hóa đơn GTGT do công ty S xuất trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành, không khiếu nại thắc mắc về số liệu khối lượng công việc thực hiện, và kê khai khấu trừ thuế cũng như xác nhận số dư công nợ là 12.635.605.674 đồng.

[4.2.3]. Cấp sơ thẩm dựa trên các căn cứ nêu trên để xác định khối lượng công việc Công ty S đã thực hiện, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty S, buộc Công ty ĐH trả cho Công ty S 15.886.024.159 đồng, gồm 12.635.605.674 đồng nợ gốc và 3.250.418.485 đồng lãi chậm thanh toán phát sinh tính trên từng hóa đơn giá trị gia tăng đến ngày 14/3/2019, theo yêu cầu của nguyên đơn với mức lãi suất yêu cầu 12,9%/năm (= 0,035%/ngày), thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (13,35 %/ năm) là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của công ty ĐH về vấn đề này là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Cụ thể các khoản nợ gốc và lãi chậm thanh toán tính theo từng hóa đơn giá trị gia tăng:

STT	Nội dung	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Hạn thanh toán	Thành tiền (VNĐ)	Số ngày quá hạn	Tiền lãi chậm thanh toán 0,035%/ngày (VNĐ)	Tổng tiền phải thanh toán (VNĐ)
1	Phí thuê từ 16/07/16 đến 31/07/16	22/8/16	0000422	06/10/16	711.746.539	889	223.626.863	935.373.402
2	Phí thuê từ 16/07/16 đến 15/08/16	15/9/16	0000432	30/10/16	529.328.461	865	161.822.236	691.150.697
3	Phí thuê từ 16/08/16 đến 15/09/16	12/10/16	0000449	26/11/16	1,234,310,000	838	365.565.424	1.599.875.424
4	Phí thuê từ 16/09/16 đến 15/10/16	22/11/16	0000464	06/01/17	1.234.970.000	797	347.865.673	1.582.835.673
5	Phí thuê từ 16/10/16 đến 15/11/16	23/12/16	0000479	06/02/17	1.231.505.000	766	333.397.082	1.564.902.082
6	Phí thuê từ 16/11/16 đến 15/12/16	31/12/16	0000005	14/02/17	1.210.225.289	758	324.214.381	1.534.439.670

7	Phí thuê từ 16/12/16 đến 31/12/16	31/12/16	0000500	14/02/17	612.700.000	758	164.139.812	776.839.812
8	Phí thuê từ 16/12/16 đến 15/01/17	23/02/17	0000038	09/4/17	620.950.000	704	154.499.165	775.449.165
9	Phí thuê từ 16/01/17 đến 15/02/17	29/3/17	0000057	13/05/17	997.171.154	670	236.124.665	1.233.295.819
10	Phí thuê từ 16/02/17 đến 15/03/17	12/4/17	0000069	27/5/17	1.229.360.000	656	285.022.906	1.514.382.906
11	Phí thuê từ 16/03/17 đến 15/04/17	12/5/17	0000090	26/6/17	1.228.865.000	626	271.878.806	1.500.743.806
12	Phí thuê từ 16/04/17 đến 15/05/17	23/5/17	0000095	07/7/17	1.084.502.692	615	235.723.345	1.320.226.038
13	Phí thuê từ 16/05/17 đến 02/06/17	23/6/17	0000117	07/8/17	709.971.539	584	146.538.126	856.509.665
	Tổng				**12.635.605.674**		**3.250.418.485**	**15.886.024.159**

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và xây dựng ĐH; giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Công ty ĐH phải nộp toàn bộ án phí kinh doanh sơ thẩm có giá ngạch:

112.000.000 đồng + 0,1% x (15.886.024.159 – 4.000.000.000) đồng = 123.886.024 đồng

[6]. Về *án phí phúc thẩm*: Công ty ĐH kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH; giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 480, 489 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 85, 86, 87, 271, 306 Luật thương mại; các Điều 26, 29 Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S về việc yêu cầu công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH thanh toán nợ và lãi quá hạn trong hợp đồng thuê cần cẩu bánh xích.

Buộc công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S 15.886.024.159 đồng (Mười lăm tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm năm mươi chín đồng), gồm 12.635.605.674 (Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng) nợ gốc và 3.250.418.485 đồng (Ba tỷ hai trăm năm mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) lãi chậm thanh toán tính đến ngày 14/3/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

Công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH nộp 123.886.024 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bốn đồng) án phí có giá ngạch.

Công ty TNHH S được nhận lại 61.317.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, theo biên lai thu số 0003168 ngày 26/6/2018.

3. *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*:

Công ty TNHH vận tải và xây dựng ĐH nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, theo biên lai thu số 0009137 ngày 02/4/2019, nên đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/8/2019).